

Bản án số: 748/2019/HS-PT

Ngày 28-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Chánh Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Ba

Ông Đặng An Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 350/2019/TLPT-HS ngày 03 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo Lê Quang D do có kháng cáo của người bào chữa cho bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 167/2019/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo:

Lê Quang D; sinh năm 1969 tại tỉnh Trà Vinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; trình độ văn hóa: 01/12; nghề nghiệp: Làm nhang; nơi đăng ký thường trú, nơi cư trú: 1043/8 Quốc lộ 1A, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh; con ông Lê Quang A và bà Huỳnh Thị L; hoàn cảnh gia đình: vợ tên Âu Mai L, có 2 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1994;

Bắt, tạm giam: 29/9/2017;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

Người bào chữa cho bị cáo có kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T, luật sư Văn phòng luật sư Đ, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Thị Khá:

1. Ông Võ Minh H, sinh năm 1983. Nơi đăng ký thường trú: 62/41 ấp P, xã H1, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Ông Phạm Văn X, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Ấp C1, xã H1, huyện M, tỉnh Bến Tre; là cha đẻ của bà K (có mặt).

3. Bà Trần Thị T1; sinh năm 1963. Nơi cư trú: Ấp P, xã H1, huyện C, tỉnh Bến Tre; là mẹ đẻ của bà K (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trẻ Trương Thị Kim C2, sinh ngày 13/9/2003. Nơi cư trú: Ấp P, xã H1, huyện C, tỉnh Bến Tre; là con đẻ của bị hại Phạm Thị K và ông Trương Minh T2;

Người đại diện hợp pháp của trẻ C2: Ông Trương Minh T2, sinh năm 1983. Nơi cư trú: ấp P2, xã P3, huyện M, tỉnh Bến Tre; là cha đẻ của trẻ C2 (có mặt).

2. Trẻ Võ Minh G, sinh ngày 22/01/2009. Nơi cư trú: 62/41 ấp P4, xã H2, huyện C, tỉnh Bến Tre; là con đẻ của bị hại Phạm Thị K và ông Võ Minh H;

Người đại diện hợp pháp của trẻ G: Ông Võ Minh H; là cha đẻ của trẻ G (có mặt).

3. Bà Âu Mai L, sinh năm 1973. Nơi cư trú: 1043/8 Quốc lộ 1A, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

4. Bà Âu Thanh T3, sinh năm 1975. Nơi cư trú: 71/37A đường C3, phường T4, quận T5, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

5. Bà Võ Thị T6, sinh năm 1957. Nơi cư trú: 62/19 đường số 5A, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng năm 2012, gia đình bà Phạm Thị K đến thuê phòng trọ 1043/8 Quốc lộ 1A, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh. Phòng trọ đã nêu thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bị cáo Lê Quang D.

Vào buổi sáng ngày 22/9/2017, bị cáo D chở bà K đến thuê Phòng số 102, Lầu 1, Khách sạn K1 ở Số 122 Đường T7, Phường 6, Quận 11 (khách sạn K1) và ở cùng nhau tại đây.

Khoảng 10 giờ 20 phút cùng ngày, D xuống quầy tiếp tân gặp ông Lưu Hoàng M (người quản lý của khách sạn K1). D đưa cho ông M 500.000đ và dặn ông M: Cứ để cho cô ấy ngủ, đến 14 giờ cô ấy sẽ xuống tính tiền, nếu dư tiền thì đưa cho cô ấy.

Khoảng 16 giờ ngày 22/9/2017, thì ông M và chị Nguyễn Thị L1 (nhân viên của khách sạn) phát hiện bà Khả bị chết trong Phòng 102 của khách sạn. Do vậy, ông M đến Công an Phường 16, Quận 11 trình báo sự đã nêu.

Đến 20 giờ 50 phút ngày 22/9/2017, Cơ quan điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành khám nghiệm hiện trường; đồng thời thu giữ được một số vật chứng tại hiện trường như sau:

- 01 cái khăn màu trắng, kích thước 1,1m x 0,565m;
- 01 chiếc mền màu đỏ trắng;
- 02 vỏ áo gối, kích thước 0,68m x 0,54m;
- 01 mắt kính màu đen, bị vỡ tròng kính bên trái;
- 04 miếng băng keo cá nhân;
- 01 miếng vỏ bao cao su màu bạc;
- Gạc máu;
- Mẫu máu.

Ngày 23/9/2017, Điều tra viên, Kiểm sát viên cùng Bác sỹ pháp y tiến hành khám nghiệm tử thi.

Ngày 28/9/2017, ông H (chồng bà K) đến Cơ quan Điều tra trình báo sự việc bà K mất tích.

Ngày 29/9/2017, D đến Công an phường B, quận B1 tự thú; Công an phường B giao D cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám xét nơi ở của D tại nhà 1043/8 Quốc lộ 1A, phường B, quận B1, thu giữ:

- 01 điện thoại di động Forme;
- 01 áo sơ mi trắng, dài tay;
- 01 quần vải màu nâu;
- 01 đôi dép cao su màu đen;
- 01 xe máy Honda Dream mang biển kiểm soát 50P5-5681, số máy là 1318245, số khung là 1318215.

Trong ngày 29/9/2017, D dẫn Điều tra viên đi chỉ điểm những nơi mà D đã bán tài sản chiếm đoạt của bà K, đó là tiệm vàng Kim Chi và cửa hàng mua bán điện thoại di động Kiều Anh.

Ngày 02/10/2017, ông Hồ Văn Hiệp (người quản lý tiệm vàng Kim Chi) giao nộp cho Cơ quan Điều tra 01 USB có dữ liệu hình ảnh được trích xuất từ camera của tiệm vàng Kim Chi, ghi lại hình ảnh D đến tiệm vàng Kim Chi bán đôi bông tai.

Trong ngày 02/10/2017, Cơ quan điều tra cũng tổ chức cho ông Lưu Hoàng M, ông Hồ Văn Hiệp và bà Phan Thị Yến nhận dạng D. Kết quả nhận dạng: Ông M xác định D là người đã đến thuê Phòng 102, khách sạn K1 vào ngày 22/9/2017; ông Hiệp xác định D là người đã bán đôi bông tai cho tiệm vàng Kim Chi vào ngày 22/9/2017.

Trong quá trình điều tra, D khai như sau:

Trong thời gian bà K thuê nhà của D để ở, giữa bà K và D có quan hệ tình cảm với nhau. D có hứa mua cho bà K một chiếc xe máy.

Để có tiền mua xe máy cho bà K, D nói dối với bà Âu Mai L (vợ của D) rằng: D mang giấy tờ nhà đi thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền đóng tiền học cho con. Sáng ngày 22/9/2017, D mang theo giấy tờ nhà và đi xe máy đến chợ Bà Hom, quận Bình Tân mua 01 mắt kính màu đen, 01 áo khoác màu xanh, 01 nón bảo hiểm, 01 túi xách màu xanh để sử dụng cho bản thân, với mục đích tránh bị mọi người phát hiện khi đi gặp bà K. Sau đó, theo như đã hẹn trước, D đi đến trước cổng bệnh viện quận Bình Tân đón bà K và chở bà K đến khách sạn K1 ở số 122 Đường T7, Phường 6, Quận 11, thuê Phòng số 102. D và bà K vào phòng và có hành vi âu yếm với nhau. Vào thời điểm hai người chuẩn bị quan hệ tình dục thì bà L có gọi điện thoại cho D nhiều lần nhưng D không nghe máy. Bà K bảo D ra ngoài nghe điện thoại nhưng D không nghe. Từ đó, đôi bên cự cãi với nhau nên không quan hệ tình dục với nhau. Vì bà K chỉ xin phép Công ty (nơi bà K làm việc) cho nghỉ 02 tiếng đồng hồ nên bà K nói với D rằng: Nếu không quan hệ tình dục nữa thì đi mua xe. D nói chưa có tiền và hẹn 02 tuần sau sẽ mua xe cho bà K. Bà K không đồng ý và nói rằng: Nếu ngày hôm nay không mua xe thì sẽ cắt đứt quan hệ giữa hai người. Sau đó, bà K mở điện thoại của bà K cho D xem hình ảnh của người đàn ông mà bà K mới quen. D bức tức và dùng 02 tay bóp cổ bà K cho đến khi bà K chết. Ngay sau đó, D lấy một số tài sản của bà K, gồm:

- 01 đôi bông tai;
- 01 vòng cẩm thạch đeo tay;
- 01 điện thoại di động Samsung J7;
- 360.000đ;
- 01 giấy chứng minh nhân dân;
- 01 bảng tên công nhân;
- Quần áo của bà K.

Danh bỏ toàn bộ số giấy tờ, tài sản đã nêu cùng với chiếc áo khoác và chiếc nón bảo hiểm của D vào một chiếc túi xách, rồi mang đi. Khi xuống đến quầy tiếp tân của khách sạn, D đưa 500.000đ cho ông M (nhân viên tiếp tân của khách sạn) và nói: Cứ để cho cô ấy ngủ, đến 14 giờ cô ấy sẽ xuống tính tiền, nếu dư tiền thì đưa cho cô ấy”. Sau đó, D lấy xe máy đi đến vòng xoay Phú Lâm, Quận 6, vứt chiếc túi xách màu xanh (bên trong có vòng cẩm thạch, giấy chứng

minh nhân dân, bằng tên công nhân, quần áo của bà K; áo khoác, nón bảo hiểm của D) ở bên lề đường. D tiếp tục điều khiển xe máy đi đến tiệm vàng Kim Chi (ở số 793 Tỉnh lộ 10, phường B, quận B1), bán đôi bông tai cho anh Hồ Văn Hiệp (nhân viên quản lý tiệm vàng) với giá 1.300.000đ; rồi tiếp tục đi đến cửa hàng điện thoại di động Kiều Anh (ở địa chỉ số 1327 Tỉnh lộ 10, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân) bán chiếc điện thoại Samsung J7 cho bà Phan Thị Yến (chủ cửa hàng) với giá 1.300.000đ. Sau đó, Danh đi về nhà. Ngày 29/9/2017, D nhờ con đẻ là Lê Quang K2 chở đến Công an phường B, quận B1 tự thú.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 167/2019/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Quang D phạm tội “Giết người” và “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm e và n khoản 1 Điều 93; khoản 1 Điều 133; điểm n, o và p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt bị cáo Lê Quang D 20 (hai mươi) năm tù về tội “Giết người” và 5 (năm) năm tù về tội “Cướp tài sản”, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 25 (hai mươi lăm) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2017.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, về mặt dân sự, bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng và những tài sản có liên quan, quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/6/2019 ông Nguyễn Văn T luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Quang D có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm thay cho bị cáo nêu các lý do:

Một là: Bị cáo có nhược điểm về tâm thần, khi giải quyết bồi thường (theo thỏa thuận) không thông qua người đại diện là không đúng theo quy định của Luật tố tụng dân sự.

Hai là: Về nội dung: Theo Kết luận giám định pháp y tâm thần thì bị cáo có hạn chế về nhận thức và điều khiển hành vi, đến khi xét xử sơ thẩm bị cáo còn có hiện tượng hoang tưởng (tâm thần trầm trọng hơn) cần phải buộc bị cáo chữa bệnh trước khi thi hành án, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên buộc bị cáo phải chữa bệnh, áp dụng điểm n (mang tính chất cơn đồ) để xử phạt đối với bị cáo là không xem xét hết nguyên nhân, mục đích, điều kiện phạm tội của bị cáo mà xử phạt bị cáo 25 năm tù đối với bị cáo có hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi là nặng, nên người bào chữa đề nghị không áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự để xử phạt đối với bị cáo, đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo và xem xét lại trách nhiệm bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay Luật sư rút lại 02 yêu cầu kháng cáo-thống nhất tội danh, điều luật áp dụng hình phạt đối với bị cáo, chỉ kháng cáo 02

vấn đề là – Đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo và đề nghị xem lại trách nhiệm bồi thường cho bị cáo.

Bị cáo Lê Quang D thì đồng ý kháng cáo của người bào chữa đại diện cho bị cáo kháng cáo, không có đề nghị bổ sung.

Tại phiên tòa phúc thẩm vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người bào chữa đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo, giữ y tội danh và mức án đề xử phạt đối với bị cáo. Chấp nhận kháng cáo của Luật sư về phần trách nhiệm dân sự. Đề nghị sửa án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự và trợ cấp nuôi con của nạn nhân theo quy định của pháp luật.

Đại diện cho gia đình bị hại thì đề nghị Hội đồng xét xử sao cho đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo khoản 2 Điều 331 Luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định thì người bào chữa cho người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất mà mình bào chữa thì có quyền kháng cáo đối với bản án, quyết định của cấp sơ thẩm xử thay cho những người mà họ bào chữa. Căn cứ vào quy định trên thì Luật sư ông Nguyễn Văn T bào chữa cho bị cáo Lê Quang D (người bị hạn chế năng lực về nhận thức và điều khiển hành vi) kháng cáo thay cho bị cáo; kháng cáo trong hạn luật định, nên kháng cáo được xem xét là hợp lệ.

[2] Xét về nội dung vụ án thì thấy:

Theo lời khai ban đầu của bị cáo Lê Quang D tại các các bút lục từ 37 đến 44 (lời khai các ngày 29/9/2017; 05/10/2017; 11/10/2017) bản tự khai ngày 28/11/2017 (bút lục 61).

Bị cáo Lê Quang D khai: Đối với nạn nhân Phạm Thị K và chồng là ông Võ Minh H đến thuê phòng trọ tại nhà bị cáo ở, bị cáo có quan hệ tình cảm với nạn nhân K được khoảng hơn 02 năm. Vào khoảng 18/9/2017 K có nói với D là K mới hốt hụi được hơn 20.000.000đ để mua xe sử dụng, nên bị cáo mới nảy sinh ý định là giết người, cướp tài sản. Bị cáo nói để bị cáo cho tiền mua xe đẹp hơn, từ đó bị cáo nghĩ ra kế hoạch và chuẩn bị dụng cụ như: Mua mắt kính đen, áo khoác màu xanh, 01 nón mũ bảo hiểm màu đỏ sọc vàng, 01 túi xách màu xanh, còn biển số xe giả mua ngày 21/9/2017, sau khi mua biển số xe giả D điều khiển đến đường Hồng Bàng thay đổi biển số xe, đến 08 giờ ngày 22/9/2017 D hẹn với nạn nhân K trước cửa bệnh viện Tân Bình để đi mua xe, D chở K xuống Quận 11 kêu K vào khách sạn nghỉ tí rồi đi mua xe, D thuê phòng số 102 để nghỉ. Trong lúc quan hệ tình dục K nằm sấp mặt úp xuống nệm, còn D nằm ở trên, lúc này K không để ý nên D dùng 02 tay bóp cổ K từ phía sau đè xuống nệm để K không la, không chống cự được. Trong lúc bóp cổ K thì D có đeo kính và bị rơi 01 tròng trong phòng, sau khi Khá tử vong D mới tháo lấy đôi bông tai, 01 chiếc vòng cẩm thạch, 01 điện thoại di động hiệu SamSung bỏ vào túi xách, lục quần áo của K để tìm tiền nhưng chỉ có

360.000đ trong túi áo, không có số tiền 28.000.000đ để mua xe. Sau đó bị cáo đối phó với cơ quan điều tra là lấy hết quần áo của K, lấy luôn chìa khóa phòng 102 rồi đi xuống tiếp tân (lễ tân) đưa cho người đàn ông trực quầy 500.000đ và nói đến 13 giờ chiều người phụ nữ trả phòng, nếu tính tiền còn dư thì đưa lại cho người phụ nữ, sau đó thì bị cáo đem tài sản lấy của nạn nhân K đi bán 01 đôi bông tai với giá 1.300.000đ; bán chiếc điện thoại Samsung J7 cho bà Phan Thị Yến (chủ cửa hàng) với giá 1.300.000đ, còn 01 vòng cẩm thạch màu trắng thì bị cáo quăng bỏ ở tiệm sửa xe nơi bị cáo thay lại biển số xe trước của trường Mạc Đình Chi, bỏ biển số xe giả, túi xách và quần áo của nạn nhân K ở ngoài đường rồi điều khiển xe về nhà, đến ngày 29/9/2017 bị cáo D nhờ con đẻ là Lê Quang K2 chở đến Công an phường B, quận B1 tự thú.

Lời khai ngày 15/11/2017 cũng như lời khai sau ngày 15/11/2017 có Luật sư Nguyễn Văn T tham gia thì bị cáo D khai: Bị cáo có hứa cho tiền thêm để nạn nhân mua xe, ngày 22/9/2017 bị cáo chưa có tiền, tại khách sạn nạn nhân K nói nếu ngày 22/9/2017 không mua được xe thì giữa nạn nhân với bị cáo không còn quan hệ nữa, nạn nhân mở điện thoại di động đưa hình người thanh niên mới quen cho bị cáo xem, từ đó bị cáo tức giận thực hiện hành vi dùng tay bóp cổ giết chết nạn nhân; còn các lời khai trước đó bị cáo khai có hành vi như: mua biển số giả, mua mũ bảo hiểm, mắt kính, áo gió... là để cho người khác không phát hiện ra việc bị cáo với nạn nhân K có quan hệ bất chính chứ không phải để che đậy về hành vi giết người, cướp tài sản.

Cơ quan điều tra kết luận, Viện kiểm sát truy tố, Tòa án cấp sơ thẩm dựa vào các lời khai sau của bị cáo xác định là do bị cáo ghen tuông tức giận nên bị cáo mới thực hiện hành vi giết người, nên áp dụng điểm n (tính chất côn đồ) điểm c (giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng khác của khoản 1) Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để xử phạt bị cáo là đúng.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm hôm nay người bào chữa cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định tội danh và điều luật áp dụng để xử phạt đối với bị cáo là đúng, nên rút lại kháng cáo về điều luật áp dụng; nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc người bào chữa đại diện cho bị cáo có kháng cáo rút lại phần kháng cáo này, nên Hội đồng xét xử không xem xét lại về phần kháng cáo này.

Xét về mức hình phạt:

Bị cáo phạm tội giết người và cướp tài sản, tội giết người rơi vào 02 tình tiết định khung điểm e và n Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Bị cáo gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nhưng do bị cáo bị hạn chế về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi (theo như kết luận giám định pháp y tâm thần), Tòa án cấp sơ thẩm có xem xét các tình tiết này để giảm nhẹ cho bị cáo, xử phạt bị cáo 20 năm tù về tội giết người; 05 năm tù về tội cướp tài sản, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội bằng 25 năm tù là thỏa đáng. Người bào chữa đại diện cho bị cáo kháng cáo

đề nghị giảm án cho bị cáo nhưng không nêu được tình tiết giảm nhẹ nào khác ngoài nhận định trên, nên Hội đồng xét xử không giảm án cho bị cáo.

Đối với luật sư đại diện cho bị cáo kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự thì thấy:

Do bị cáo bị hạn chế về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, tại Tòa án cấp sơ thẩm không thông qua người đại diện mà ghi nhận theo sự tự nguyện bồi thường của bị cáo như: Bồi thường tiền mai táng phí là 100.000.000đ, bồi thường tổn thất tinh thần là 150.000.000đ; trợ cấp nuôi 02 con của nạn nhân mỗi cháu là 2.500.000đ/tháng là không đúng theo Điều 88 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định, nên được xem xét lại như sau: Theo bản kê phân chi phí mai táng cho nạn nhân của gia đình nạn nhân là 40.601.000đ, về phần bồi thường thiệt hại về tinh thần bằng 100 tháng lương của mức lương tối thiểu 1.490.000đ x 100 tháng bằng 149.000.000đ. Về phần cấp dưỡng nuôi hai con của nạn nhân: Do bị cáo không có thu nhập ổn định, dựa trên mức lương tối thiểu nên Hội đồng xét xử chỉ buộc bị cáo trợ cấp nuôi con của nạn nhân mỗi cháu 1.500.000đ/tháng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Phần buộc bị cáo bồi thường cho gia đình nạn nhân phần thiệt hại về tài sản bằng 8.060.000đ là đúng nên được giữ y.

Do sửa án sơ thẩm về phần bồi thường nên phần án phí có giá ngạch được sửa lại cho đúng quy định của pháp luật.

[3] Quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên được ghi nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của người bào chữa về việc đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo.

Chấp nhận kháng cáo của người bào chữa về phần trách nhiệm dân sự (sửa án dân sự về phần trách nhiệm dân sự).

Áp dụng điểm e và n khoản 1 Điều 93; khoản 1 Điều 133; điểm n, o và p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Lê Quang D 20 (hai mươi) năm tù về tội “Giết người” và 5 (năm) năm tù về tội “Cướp tài sản”, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 25 (hai mươi lăm) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2017.

2. Về phần trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Lê Quang D phải bồi thường cho gia đình nạn nhân các khoản như:

Bồi thường tiền chi phí mai táng cho gia đình nạn nhân là 40.601.000đ, bồi thường thiệt hại về tài sản cho gia đình nạn nhân là 8.060.000đ (hai khoản trên bằng 48.661.000đ) được trừ 15.000.000đ gia đình bị cáo đã bồi thường, số tiền còn lại phải bồi thường là 33.661.000đ do ông Võ Minh H đại diện gia đình để nhận

Bồi thường 149.000.000đ thiệt hại về tinh thần cho các ông bà gồm: Ông Võ Minh H, ông Phạm Văn X, bà Trần Thị T1, trẻ Trương Thị Kim C2, trẻ Võ Minh G mỗi người được nhận 29.800.000đ.

Cấp dưỡng nuôi hai con của nạn nhân: Trẻ Trương Thị Kim C2 sinh ngày 13/9/2003; trẻ Võ Minh G sinh ngày 20/01/2009, mỗi trẻ 1.500.000đ/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 22/9/2017 cho đến khi 02 trẻ đủ 18 tuổi (thực hiện theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án nếu bị cáo không thi hành các khoản tiền như trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bị cáo Lê Quang D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo án sơ thẩm xử.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Quang D phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

5. Về án phí dân sự có giá ngạch: Bị cáo Lê Quang D phải nộp án phí trên số tiền phải bồi thường, án phí phải nộp là 9.133.000đ chứ không phải bằng 17.903.000đ như sơ thẩm xử.

6. Người bào chữa cho bị cáo kháng cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

7. Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm xét xử không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 28/11/2019.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Trại tạm giam Chí Hòa;
- Bị cáo (Trại tạm giam Chí Hòa tổng đạt cho bị cáo);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT-23).

Tô Chánh Trung